

## KẾ HOẠCH

### Triển khai Chuyển đổi số và thực hiện Khung Đề án “An Giang điện tử” trên địa bàn phường Long Thạnh năm 2024

Căn cứ Kế hoạch số 320/KH-UBND ngày 06/3/2024 của UBND thị xã Tân Châu về triển khai thực hiện Khung Đề án “An Giang điện tử” trên địa bàn thị xã Tân Châu năm 2024.

Ủy ban nhân dân phường xây dựng Kế hoạch triển khai Chuyển đổi số và thực hiện Khung Đề án “An Giang điện tử” năm 2024, như sau:

#### I. THÔNG TIN CHUNG

**1. Chủ đề chuyển đổi số năm 2024:** “Phát triển kinh tế số với 04 trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - Động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền”.

#### 2. Định hướng:

Cơ quan nhà nước tập trung vào các hoạt động phát triển, kết nối, chia sẻ, khai thác, phân tích dữ liệu phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số với các định hướng trọng tâm:

(1) Người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà

nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến;

(2) Doanh nghiệp được khai thác dữ liệu, dữ liệu mở do cơ quan nhà nước cung cấp để phục vụ sản xuất, kinh doanh;

(3) Cơ quan nhà nước sử dụng dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu từ máy sinh ra theo thời gian thực để hỗ trợ ra quyết định, giảm thiểu hoạt động báo cáo thủ công giữa các cấp.

#### II. MỤC TIÊU CỤ THỂ TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024

##### 1. Phát triển chính quyền số:

- 100% dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến toàn trình.

- 40% thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến.

- 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 60% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS); đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử.

- 80% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu đề ra quyết định và hoạch định chính sách; kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

- 80% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- 50% hồ sơ giải quyết trực tuyến.

- 80% DVCTT (toàn trình, một phần) phát sinh hồ sơ trực tuyến.

- 40% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.

- 65% hồ sơ công việc tại UBND phường được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- UBND phường có ít nhất 01 sáng kiến, mô hình hay về chuyển đổi số.

**\* Giải pháp:**

- Tổ chức các hoạt động triển khai hướng dẫn người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

- Các tổ công nghệ số cộng đồng tập trung hướng dẫn người dân và doanh nghiệp triển khai các ứng dụng, nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân. Khai thác có hiệu quả Trung tâm điều hành thông minh từ đó tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên nền tảng số kịp thời, chính xác, hiệu quả. Tham gia và cung cấp dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, truy cập, sử dụng, góp phần công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Tham gia các đợt tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng cho lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn.

**2. Phát triển kinh tế số**

- Phần đầu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 6%.

- 80% sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có mặt sàn thương mại điện tử.

- Phần đầu 40% dân số tham gia mua sắm trực tuyến.

- Trên 40% người dân độ tuổi lao động biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử; 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số; 60% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

- Phần đầu năng suất lao động tăng 7%.

**\* Giải pháp:**

- Phối hợp các ngành liên quan cấp thị xã đẩy mạnh công tác phổ biến kiến thức chung về kinh tế số đến người dân; hướng dẫn nhân dân nội dung giao dịch không dùng tiền mặt và đẩy mạnh các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt.

- Khuyến khích, hỗ trợ các chủ thể kinh doanh có sản phẩm OCOP trên địa bàn thị xã tham gia các sàn thương mại điện tử.

### **3. Phát triển xã hội số**

- 100% hộ gia đình có địa chỉ số.
- 70% người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số.
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.
- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 70%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 85%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 80%.
- Tỷ lệ hộ xem được Đài truyền hình VN: 100%.
- Tỷ lệ hộ nghe được Đài tiếng nói VN: 100%.
- Tỷ lệ hộ có phương tiện nghe, nhìn: 100%.
- Số thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt tỷ lệ 70%;
- Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân đạt tỷ lệ 23%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 75%.

#### **\* Giải pháp:**

- Tăng cường phổ cập các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng và Tổ Công nghệ số cộng đồng, theo hướng dễ hiểu, dễ tiếp cận. Tăng cường tuyên truyền Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

- Tạo môi trường thuận lợi phát triển hệ sinh thái ứng dụng công nghệ số nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số thiết yếu, thông minh, dễ sử dụng cho người dân. Tăng cường hướng dẫn người dân đăng ký tài khoản công dân và hình thành dữ liệu điện tử trên Hệ thống thông tin dùng chung.

- Tổ chức triển khai nền tảng số kết nối, phục vụ trực tuyến toàn chương trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử cho học sinh, sinh viên, giáo viên để hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số.

- Tổ chức triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy và nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa để tạo sự bình đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế.

- Tăng cường triển khai trên không gian mạng các sản phẩm văn hóa, lịch sử, đặc trưng, xây dựng văn hóa và con người năng động, sáng tạo, quảng bá hình ảnh địa phương.

## **III. THỰC HIỆN KHUNG ĐỀ ÁN “AN GIANG ĐIỆN TỬ” NĂM 2024.**

### **1. Mục tiêu cụ thể**

#### **1.1. Ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước:**

- Tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ công chức đạt 100%; Có trang bị máy tính để soạn thảo văn bản mật.

- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử đạt 100%;
- Tỷ lệ kết nối và sử dụng mạng số liệu chuyên dùng đạt 100%.
- Tỷ lệ cán bộ cấp phường và khóm được cấp và sử dụng thư điện tử trong việc giải quyết công vụ đạt 100%.
- Tỷ lệ cán bộ chuyên trách CNTT trên địa bàn phường có cán bộ phụ trách CNTT (Có quyết định chuyên trách hoặc kiêm nhiệm).
- Hơn 95% cán bộ lãnh đạo Ứng dụng chữ ký số vào hệ thống thông tin và các thiết bị di động.
- Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị triển khai giao dịch trực tuyến với kho bạc nhà nước đạt 100%.
- Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện kê khai thuế điện tử đạt 100%.

### **1.2. Cổng dịch vụ công trực tuyến:**

- 100% hồ sơ TTHC được giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC đúng hạn và trước hạn đạt tỷ lệ 100%; Tối thiểu 70% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 3, mức độ 4 (một phần, toàn trình); Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đạt từ 50% trở lên; 100% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; hơn 90% người dân hài lòng khi sử dụng DVCTT; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 40% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến. Tích hợp phần mềm đánh giá cán bộ công chức trực tuyến trên phần mềm cổng dịch vụ công của tỉnh.

### **1.3. Nông nghiệp:**

- Tuyên truyền vận động nông dân ứng dụng công nghệ thông tin, tiên bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi....

### **1.4. Giáo dục:**

- 100% Trang thông tin điện tử của các trường được kết nối, liên thông Cổng thông tin điện tử giáo dục toàn ngành; 100% các CSDL của các trường được đồng bộ về CSDL quản lý tập trung của toàn ngành giáo dục.

### **1.5. Y tế:**

- 100% các cơ sở y tế triển khai phần mềm quản lý y tế cơ sở đồng bộ.
- 100% CSDL về sức khỏe của người dân được cập nhật, sử dụng và lưu trữ hồ sơ sức khỏe điện tử.
- 100% CSDL về tiêm chủng cho trẻ dưới 6 tuổi tại các trạm y tế xã được đồng bộ với hệ thống quản lý y tế. Tích hợp hệ thống thông báo tin nhắn hoặc thư điện tử tiêm chủng cho trẻ dưới 6 tuổi vào phần mềm quản lý.

### **1.6. Môi trường:**

- 100% CSDL về quan trắc môi trường được cập nhật vào hệ thống CSDL dùng chung ngành môi trường.
- 100% các CSDL về thông tin địa lý được cập nhật trên hệ thống thông tin địa lý GIS dùng chung cho toàn tỉnh; các thông tin quy hoạch, hành chính, đất đai

được cập nhật trên hệ thống công bố các thông tin quy hoạch.

### **1.7. Truyền thanh cơ sở:**

- Đài Truyền thanh phường sử dụng phần mềm quản lý trong công tác tổng hợp tin bài thông tin tuyên truyền và phần mềm quản lý thông tin cơ sở.

- 100% cán bộ làm công tác thông tin cơ sở cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ để khai thác, biên soạn tài liệu, lưu trữ thông tin, quản lý và vận hành thiết bị kỹ thuật hiện đại phù hợp với vị trí việc làm.

## **2. Giải pháp**

### **2.1. Giải pháp về nhân lực:**

- Chú trọng lực lượng nhân sự về CNTT, đặc biệt là đào tạo lực lượng chuyên trách đủ khả năng quản trị các hệ thống có quy mô nhỏ và vừa.

- Đào tạo cán bộ công chức: Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập thường xuyên cho cán bộ công chức trên địa bàn phường về kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin để có thể thực hiện các quy trình tin học hóa về nghiệp vụ và tác nghiệp. Đồng thời, tiến hành đào tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức tuyển dụng mới về kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin tích hợp trong đề án.

### **2.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách**

- Đề án chấp hành bảo vệ an ninh thông tin cá nhân theo Luật an toàn thông tin mạng năm 2015 và ban hành các quy trình kiểm soát, quy định rõ mục đích và trách nhiệm sử dụng các dữ liệu cá nhân và doanh nghiệp.

- Thực hiện việc kiểm tra, bảo trì hệ thống, máy tính tại các cơ quan đơn vị thường xuyên, tăng cường sử dụng các thiết bị, phần mềm bảo vệ hỗ trợ phát hiện, ngăn chặn kịp thời và khắc phục nhanh các sự cố.

- Đảm bảo việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (thông qua Luật sở hữu trí tuệ) được thực thi một cách nghiêm túc, xử phạt mạnh những trường hợp vi phạm, đặc biệt là vi phạm có tổ chức; có cơ chế khen thưởng cho người phát hiện.

### **2.3. Giải pháp về tài chính**

- Tập trung các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương và địa phương. Xây dựng phương án đối ứng vốn ngân sách theo từng dự án cụ thể.

- Tăng cường công tác xã hội hóa kết hợp với nguồn vốn từ ngân sách trong quá trình thực hiện đề án.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

### **1. Văn phòng UBND phường**

- Tham mưu Ủy ban nhân dân phường xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Định kỳ, đột xuất tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân thị xã, Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số và Đề án “An Giang điện” trên địa bàn phường.

### **2. Bộ phận một cửa phường**

- Phối hợp với Văn phòng UBND phường thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi

số của UBND phường; đẩy mạnh ứng dụng CNTT, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường tiếp nhận, trả kết quả dịch vụ mức công mức độ 3, mức độ 4; tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính bắt buộc trả kết quả điện tử.

### **3. Bộ phận Tài Chính- Kế toán**

- Tham mưu cho UBND phường bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

### **4. Các ban, ngành có liên quan, các trường học và các nhóm trên địa bàn**

- Trên cơ sở Kế hoạch này, các đơn vị triển khai thực hiện tại đơn vị mình.

- Phối hợp các phòng, ban, cơ quan cấp thị xã thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo kế hoạch của ngành.

- Các cơ quan, đơn vị triển khai các giải pháp nhằm duy trì và tiếp tục phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, Đề án An Giang điện tử tại cơ quan, thực hiện ngày càng hiệu quả, thiết thực hơn.

- Tích cực đăng ký tham gia thi đua phát triển Chính quyền số và bảo đảm An toàn thông tin mạng gắn với cải cách hành chính hàng năm theo kế hoạch đã được UBND ban hành.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Chuyển đổi số và thực hiện Khung đề án “An Giang điện tử” trên địa bàn phường Long Thạnh năm 2024, yêu cầu các cơ quan, các ngành và các nhóm căn cứ các nội dung, nhiệm vụ được giao nghiêm túc triển khai thực hiện đồng thời chịu trách nhiệm về kết quả đạt được ứng với các nội dung được giao trong Kế hoạch./.

#### ***Nơi nhận:***

- UBND thị xã;
- Phòng VH TT thị xã;
- TT.Đảng ủy; HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND thị xã;
- Các ban ngành, đoàn thể phường;
- BND các nhóm;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Đễ**